

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 146/2025/DS-PT
Ngày 19 tháng 12 năm 2025
V/v: *Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Ngô Thị Hà

Các Thẩm phán: Bà Lê Thu Hương và bà Lê Thị Thủy

Thư ký phiên toà: Ông Lê Văn Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 157/2025/TLPT-DS ngày 17/11/2025 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Do bản án sơ thẩm số: 33/2025/DS-ST ngày 28/9/2025 của Toà án nhân dân khu vực I - Thanh Hoá có nguyên đơn kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 143/2025/QĐ-PT ngày 25 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần T1 (đổi tên từ Công ty cổ phần N)

Địa chỉ: Lô C, KCN T, phường H, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị H - Giám đốc (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị T (có mặt)

Địa chỉ: Số E T, phường H, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Bà Mai Thị Lan A, sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: Số A phố Đ, phường H, tỉnh Thanh Hóa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Hàn Thị H1, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số G Từ Đ, phường H, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bà Mai Thị Lan A là đồng nghiệp với bà Hàn Thị H1 là Tổng giám đốc tài chính Công ty cổ phần N (nay là Công ty cổ phần T1 - gọi tắt là Công ty). Ngày

08/5/2018, bà Lan A có vay của Công ty số tiền 60.000.000đ. Thời điểm đó bà Trịnh Thị H2 thủ quỹ của Công ty có ghi vào một quyển sổ của Công ty nội dung: “Chị Lan A mượn: 60.000.000 đồng (hẹn 20/7/18 trả) - 30/9/18 âm hạn trả”, bà Lan A ký ghi rõ họ tên. Hai bên không thỏa thuận về lãi suất. Công ty xác nhận thời hạn trả nợ là ngày 30/9/2018 âm lịch. Đối với dòng chữ trong sổ “Hết tháng giêng trả” thì Công ty không biết ai là người ghi. Công ty có một quyển sổ để giao tiền cho người vay là nhân viên của Công ty và người vay có mối quan hệ với vợ chồng bà H1 và ông H3 (Chủ tịch HĐQT công ty), người đến vay tiền phải ký nhận vào sổ. Công ty khẳng định số tiền 60.000.000đ đưa cho bà Lan A là tiền của Công ty, không phải tiền của cá nhân bà H1.

Sau ngày 30/9/2018 âm lịch, bà Lan A không trả số tiền nêu trên cho Công ty. Công ty đã rất nhiều lần đề nghị bà Lan A thanh toán số nợ nêu trên nhưng không nhận được sự hợp tác của bà Lan A.

Vì vậy, Công ty đề nghị Tòa án buộc bà Lan A thanh toán nợ gốc và lãi tổng cộng là 96.779.000đ (trong đó nợ gốc: 60.000.000đ; nợ lãi tạm tính ngày 06/11/2018 đến ngày 27/8/2025 với lãi xuất 9%/năm là 36.779.000đ- làm tròn số). Ngoài ra bà Lan A tiếp tục phải trả cho Công ty số tiền lãi tính từ ngày 28/8/2025 cho đến khi hoàn trả đủ tiền cho Công ty theo lãi suất là 09%/năm.

Bà Mai Thị Lan A trình bày:

Ngày 08/5/2018 bà Lan A vay của bà H1 số tiền 60.000.000đ. Bà H1 nói với bà là đến Công ty gặp nhân viên công ty sẽ đưa tiền cho bà (thời điểm đó bà H1 đang quản lý Công ty, Công ty là của gia đình bà H1). Khi đến Công ty, bà gặp nữ nhân viên nhận tiền và ký tên vào một cuốn sổ viết tay nhưng nội dung cụ thể như thế nào thì bà không nhớ rõ nhưng bà khẳng định nội dung không phải bà vay tiền của Công ty mà là vay của bà H1.

Nay Công ty yêu cầu bà trả số tiền gốc và lãi là 96.779.000đ, bà không đồng ý vì bà không vay tiền của Công ty. Bà chỉ vay tiền cá nhân của bà H1. Hiện số tiền 60.000.000đ bà vay của bà H1 bà đã trả nợ hết cho bà H1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hàn Thị H1 trình bày: Bà thống nhất hoàn toàn về sự việc vay mượn tiền giữa bà Lan A và bà như trình bày trên của bà Lan A. Số tiền 60.000.000đ bà Lan A đã trả cho bà từ tháng 5/2021.

* Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 33/2025/DS-ST ngày 28/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực I - Thanh Hoá đã quyết định: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, Điều 95; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của BLTTDS. Điều 274; Điều 275; Điều 385; Điều 463 của BLDS. Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần T1. Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 02/10/2025, Công ty kháng cáo với nội dung không đồng ý với quyết định của bản án nêu trên. Tại phiên toà phúc thẩm Nguyên đơn vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện, không rút đơn kháng cáo. Bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến như trên.

* Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Thư ký đã tuân thủ quy định của BLTTDS. Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS: Không chấp nhận kháng cáo của Công ty, giữ nguyên quyết định của bản án dân sự sơ thẩm; án phí dân sự phúc thẩm Công ty phải chịu theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến tranh luận của các bên đương sự và quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận xem xét trình tự phúc thẩm. Tại phiên toà phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên đơn kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về các nội dung tranh chấp nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét các nội dung kháng cáo thấy rằng:

Theo tài liệu Công ty cung cấp cho Tòa án 01 tờ giấy được sao chụp lại từ quyển sổ mà Công ty trình bày sổ đó để giao tiền cho người vay (là nhân viên của Công ty và người vay có mối quan hệ với vợ chồng bà H1, ông H3 (Chủ tịch HĐQT Công ty) thể hiện nội dung: “Ngày 08/5/2018, Chị Lan A mượn: 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) (hẹn 20/7/18 trả) - 30/9/18 âm hạn trả”. Như vậy có thể khẳng định bà Lan A mượn số tiền 60.000.000đ, tuy nhiên căn cứ vào nội dung trên không thể khẳng định bà Lan A mượn tiền của cá nhân hay là của Công ty.

Về tài liệu là quyển sổ mà phía Công ty cung cấp: bên ngoài quyển sổ không thể hiện tên sổ là gì. Các nội dung bên trong sổ chỉ ghi về số tiền vay của các cá nhân thể hiện có cá nhân viết vay tiền của công ty, có cá nhân vay, mượn tiền không rõ của ai; cũng có cá nhân vay, mượn tiền của bà H1, ông H3. Công ty không xuất trình được hóa đơn, sổ sách chứng từ thể hiện quỹ hay tài khoản nào của Công ty có xuất số tiền 60.000.000đ cho bà Lan A.

Mặc khác, bà Lan A và bà H1 đều thừa nhận số tiền 60.000.000đ trên là tiền bà Lan A vay của cá nhân bà H1, thời điểm vay tiền bà H1 đang giữ chức vụ Tổng giám đốc tài chính Công ty. Hiện nay bà H1 thừa nhận bà Lan A đã trả nợ hết số tiền trên cho bà H1. Bà H1 xác nhận cuốn sổ ghi chép vay mượn của cá nhân bà H1.

Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định số tiền 60.000.000đ Công ty khởi kiện đòi bà Lan A trả cho Công ty là tiền cá nhân bà Lan A vay bà H1 nên không

chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty buộc bà Lan A phải trả nợ gốc, lãi của số tiền trên cho Công ty là có căn cứ. Tuy nhiên việc tòa cấp sơ thẩm chỉ tuyên: “Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty CP T1” là chưa rõ ràng. Vì vậy cần căn cứ khoản 1 Điều 308 của BLTTDS, bác kháng cáo của Công ty, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 33/2025/DS-ST ngày 28/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực I - Thanh Hoá, sửa lại tuyên.

[3]. Về án phí phúc thẩm: Công ty phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Căn cứ vào:* Khoản 1 Điều 308 của BLTTDS, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Công ty cổ phần T1. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 33/2025/DS-ST ngày 28/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực I - Thanh Hoá.

Căn cứ: Điều 274, 275, 385 và Điều 463 của BLDS. Khoản 1, 3 Điều 26; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần T1 về việc buộc bà Mai Thị Lan A phải trả số tiền nợ gốc là 60.000.000đ; nợ lãi tạm tính đến ngày 27/8/2025 là 36.779.000đ, tổng cộng là 96.779.000đ.

2. *Án phí sơ thẩm:* Công ty cổ phần T1 phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm là 4.678.000đ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.339.000đ theo biên lai thu số BLTU/24/0007054 ngày 29/5/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1-Thanh Hóa), (số tiền án phí Dân sự sơ thẩm Công ty còn phải nộp là 2.339.000đ).

3. *Án phí phúc thẩm:* Công ty cổ phần T1 phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm là 300.000đ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0001142 ngày 07/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa (án phí Dân sự phúc thẩm Công ty đã nộp xong).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND; VKSND KV I;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Ngô Thị Hà